

Việt Nam có nguồn lao động dồi dào, nhưng chất lượng lao động còn hạn chế do thiếu nguồn nhân lực có tay nghề. Vì vậy, đào tạo nghề sẽ là một trong những ưu tiên của ngành giáo dục nhằm giải quyết tình trạng “thừa thầy thiếu thợ”.

Để nâng cao chất lượng đào tạo nghề, việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, gắn đào tạo với giải quyết việc làm là yếu tố quan trọng. Những năm qua, các trường dạy nghề đã có nhiều chủ trương, chính sách nâng cao chất lượng đào tạo nghề. Tuy nhiên, để cải thiện chất lượng và hiệu quả của hệ thống đào tạo nghề trong thời kì hội nhập, theo chúng tôi, cần chú ý một số vấn đề sau:

1. Chuẩn đầu ra cho chương trình đào tạo nghề

Các trường trung cấp và cao đẳng nghề phải công bố chuẩn đầu ra, chỉ rõ sau khi tốt nghiệp người học có tri thức, kĩ năng gì, làm việc ở các vị trí nào, có thể học tập tiếp tục liên thông như thế nào. Từ đó, khuyến cáo việc trả lương cho người tốt nghiệp trong tương quan với các trình độ đào tạo, các ngành nghề khác nhau. Kiến thức; kĩ năng; thái độ; vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp là 5 tiêu chí được đề cập trong chuẩn đầu ra của trường. Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo sẽ là cơ sở để người học tự so sánh, đối chiếu, bồi dưỡng kiến thức của mình. Người học có thể dựa vào chuẩn đầu ra để khiếu nại nhà trường nếu chưa được học những phần kiến thức cần thiết đã nêu trong chuẩn đầu ra.

2. Chuẩn cho giáo viên dạy nghề

Chuẩn cho giáo viên dạy nghề chủ yếu về đạo đức nghề nghiệp, lối sống, tác phong, năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm dạy nghề. Để đạt chuẩn giáo viên dạy nghề quan trọng nhất là việc nâng cao năng lực chuyên môn cũng như năng lực sư phạm dạy nghề.

Cụ thể, về nhiệm vụ, quy định viên chức làm công tác giảng dạy phải đáp ứng các yêu cầu chung như: kĩ năng giảng dạy nghiệp vụ, giáo dục đạo đức, nghiên cứu khoa học, cải tiến kĩ thuật... Về năng lực, phải có kiến thức hiểu biết về chương trình, kế hoạch

đào tạo, kĩ năng nghề nghiệp, tổ chức quản lí... Về trình độ phải có bằng cấp, tiêu chuẩn bậc thợ, chứng chỉ sư phạm...

Ví dụ: Giảng viên (GV) cao cấp dạy nghề là viên chức chuyên môn đảm nhiệm vai trò chủ trì, chỉ đạo và thực hiện giảng dạy trình độ cao đẳng nghề; nghiên cứu, ứng dụng khoa học kĩ thuật, công nghệ mới trong trường cao đẳng nghề.

GV cao cấp dạy nghề phải có khả năng thực hiện được 12 nhiệm vụ như: giảng dạy theo module, môn học được phân công đạt yêu cầu về mục tiêu, nội dung, kĩ năng, phương pháp, có chất lượng tốt. Chủ trì thiết kế, cải tiến, chế tạo trang thiết bị, phương tiện dạy học, xây dựng phòng học chuyên môn...

Để thực hiện được các nhiệm vụ được giao, GV cao cấp phải đảm bảo 6 tiêu chuẩn về năng lực: Nắm vững mục tiêu, chương trình, kế hoạch đào tạo và kiến thức của nghề được phân công giảng dạy. Đồng thời phải có hiểu biết sâu rộng về tổ chức quản lí đào tạo và sản xuất, những tiến bộ khoa học kĩ thuật, công nghệ mới của nghề và có khả năng thực hiện thành thạo các kĩ năng của nghề được phân công giảng dạy, cũng như, biết tổ chức quản lí đào tạo, lao động sản xuất, dịch vụ nghề được phân công giảng dạy...

Về trình độ chuyên môn, GV cao cấp phải có bằng thạc sĩ và là nghề nhân, người có tay nghề bậc 6/7, 5/6 hoặc tương đương trở lên; có chứng chỉ sư phạm dạy nghề cho GV dạy trình độ cao đẳng nghề hoặc tương đương; có đề tài nghiên cứu hoặc công trình khoa học cấp ngành được công nhận và áp dụng có hiệu quả...

3. Đổi mới phương pháp dạy học (PPDH)

Để nâng cao chất lượng đào tạo nghề, cần gắn chặt việc đổi mới PPDH của GV với đổi mới phương pháp học của sinh viên (SV).

Một thuận lợi lớn hiện nay hỗ trợ đắc lực cho việc thực hiện biện pháp này là Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ GD-

* Khoa cơ khí chế tạo máy, Trường Đại học sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

ĐT ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ áp dụng đại trà tại các trường đại học - cao đẳng - nghề từ năm học 2007-2008. Học chế này đòi hỏi đội ngũ GV phải thay đổi hoàn toàn PPDH, đầu tư rất nhiều công sức cho việc soạn bài giảng, giới thiệu chi tiết tài liệu cần đọc, chú trọng rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng truyền đạt, các kỹ năng về công tác thông tin cho SV, hướng dẫn họ thảo luận, nghiên cứu khoa học; SV phải thay đổi hoàn toàn phương pháp học, phải tham gia học tập với thái độ tích cực; chủ động tìm kiếm và tham khảo các tài liệu thích hợp với từng môn học, từng chuyên đề khác nhau để đạt yêu cầu của mỗi tín chỉ. SV phải tự học, tự nghiên cứu là chính với sự tư vấn của cố vấn học tập và sự định hướng của GV các môn học.

Tuy nhiên, trên thực tế, hiện nay việc thay đổi phương pháp dạy chưa song hành với sự thay đổi phương pháp học của số lượng khá đông SV. Theo học chế tín chỉ, các môn học cơ sở và chuyên ngành được học ngay từ năm thứ nhất cùng với các môn học chung trong bối cảnh tỉ lệ SV thích nghi nhanh với cách học mới không cao; phần lớn SV vẫn học theo kiểu đối phó, đến lúc thi mới học. Muốn bảo đảm chất lượng, GV sẽ phải cố gắng rất nhiều để buộc SV phải học tập nghiêm túc, đôi lúc phải chịu đựng sự kêu ca của SV. Về việc phải tham khảo "quá nhiều" tài liệu, bị "quá tải" về các thông tin phải xử lý, tốc độ thuyết trình chậm do khả năng phân tích, tổng hợp tài liệu của SV còn yếu... GV phải giúp người học về kỹ năng phân tích, tổng hợp, lọc tin, kỹ năng cô đặc thông tin khi thuyết trình trước lớp, cách thức nắm vững được các kiến thức cơ bản cần thiết ngay trong giờ học. Công việc này thường làm mất nhiều thời gian của GV vì phải giao dịch qua thư điện tử và tiếp SV ngoài giờ lên lớp, sửa chữa các bài tập trên lớp... Việc huấn luyện các kỹ năng nghề nghiệp thường đòi hỏi độ kiên nhẫn cao ở người dạy và ý chí, tính tự giác ở người học.

4. Cơ sở vật chất

Hiện nay tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, phần lớn GV đều đã sử dụng thiết bị máy móc để giảng dạy và SV cũng đã quen với việc học bằng máy. Tuy nhiên, nếu GV không tạo ra sự khác biệt giữa nội dung bài giảng được chiếu lên màn hình với nội dung giáo trình, tài liệu tham khảo thì sức thu hút của buổi lên lớp sẽ rất thấp. Ở các lớp không điểm danh, hiện tượng SV bỏ tiết do những nguyên nhân khác nhau, trong đó có nguyên nhân nội dung bài giảng chính

giống hệt trong giáo trình, tài liệu tham khảo, việc giảng dạy của GV phụ thuộc vào các slide trình chiếu nên SV không có hứng thú học tập. Vì vậy việc tóm tắt nội dung, nhấn mạnh những điểm quan trọng nhất và sự phát triển mở rộng kiến thức trên lớp của người thầy là không thể thiếu để SV nhận thấy rằng tự đọc giáo trình, tài liệu tham khảo sẽ không đủ, phải đến lớp dự giờ giảng, phải vào thư viện đọc tài liệu tham khảo và ghi chép lại thì mới có kết quả học tập cao.

Để có một tiết học hấp dẫn, việc chuẩn bị bài giảng của GV phải công phu hơn, mất nhiều thời gian, công sức. Như vậy việc tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại phục vụ cho việc đào tạo của nhà trường phải đi đôi với tinh thần trách nhiệm cao của người GV và tính tự giác cao của người học.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin

Công nghệ thông tin mở ra triển vọng to lớn trong việc đổi mới các phương pháp và hình thức dạy học. Những PPDH theo cách tiếp cận kiến tạo, PPDH theo dự án, dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề càng có nhiều điều kiện để ứng dụng rộng rãi. Các hình thức dạy học như dạy học đồng loạt, dạy theo nhóm, dạy cá nhân cũng có những đổi mới trong môi trường công nghệ thông tin và truyền thông. Chẳng hạn, cá nhân làm việc tự lực với máy tính, với Internet, dạy học theo hình thức lớp học phân tán qua mạng, dạy học qua cầu truyền hình. Nếu trước kia người ta nhấn mạnh tới phương pháp dạy sao cho người học nhớ lâu, dễ hiểu, thì nay phải đặt trọng tâm là hình thành và phát triển cho SV các phương pháp học chủ động. Nếu trước kia người ta thường quan tâm nhiều đến khả năng ghi nhớ kiến thức và thực hành kỹ năng vận dụng, thì nay chú trọng đặc biệt đến phát triển năng lực sáng tạo, năng lực thực hiện của SV. Như vậy, việc chuyển từ "lấy giáo viên làm trung tâm" sang "lấy SV làm trung tâm" sẽ trở nên dễ dàng hơn.

Việc tiếp tục phát triển hệ thống giáo dục kỹ thuật và đào tạo nghề định hướng theo nhu cầu được coi là một nhiệm vụ rất quan trọng trong quá trình cải cách (hiện đại hoá, phát triển, hội nhập vào nền kinh tế thế giới, hỗ trợ tạo việc làm và xóa đói giảm nghèo). Chính phủ Việt Nam đang đặt mục tiêu tăng tỉ lệ lao động đã qua đào tạo từ 26% vào năm 2010 lên 50% vào năm 2020 (Chiến lược của Bộ LĐ-TB và XH). Việc Luật Giáo dục được thông qua vào năm 2005 và Luật Dạy nghề được thông qua vào năm 2006 đã tạo cơ sở vững chắc cho việc tiếp tục xây dựng

(Xem tiếp trang 55)

hơn. Việc phân tích câu hỏi trắc nghiệm thường sử dụng *Lí thuyết trắc nghiệm cổ điển* (CTT - Classical Test Theory) bao gồm các thành tựu lí luận liên quan đến thiết kế các công cụ đo lường, các mô hình đường cong giải thích KQHT và giải thích các thống kê về điểm trung bình, độ lệch chuẩn của điểm số, độ tin cậy và độ phân biệt của bài trắc nghiệm, sự tương quan giữa điểm số mỗi câu hỏi và tổng điểm toàn bài trắc nghiệm,... và Lí thuyết ứng đáp câu hỏi (Item Response Theory - IRT). Theo lí thuyết IRT, độ khó của câu hỏi không phụ thuộc vào các thí sinh trả lời câu hỏi đó và ngược lại, năng lực của thí sinh là bất biến đối với các câu hỏi được thực hiện. Thông qua mô hình đường cong đặc trưng được lựa chọn, căn cứ vào kết quả làm bài của HS, thủ tục ước tính khả năng lớn nhất trong xác suất thống kê được sử dụng như một thủ tục lặp nhằm ước lượng đồng thời các tham số của câu hỏi và năng lực của thí sinh. Kết quả của việc ước tính sẽ cho các kết quả định lượng về tham số của câu hỏi và năng lực của thí sinh cùng với các chỉ số về độ phù hợp của mỗi câu hỏi đối với mô hình được lựa chọn. Lí thuyết này hỗ trợ rất tốt cho việc chuẩn hóa các đề kiểm tra và đo lường chính xác năng lực của HS.

Như vậy, ĐGKQHT của HS chỉ có tác dụng khi

được tiến hành có mục đích, có kế hoạch, gắn với các chuẩn đánh giá. Việc đánh giá trên cơ sở chuẩn KT, KN của môn học sẽ hình thành cách đánh giá thân thiện, tạo sự tự tin và hứng thú trong HT của HS, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở trường phổ thông. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Lan Phương. *Đánh giá kết quả theo chuẩn kiến thức, kĩ năng chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam*. Đề tài KH&CN cấp Bộ, mã số B2007-37-36, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam. H2009.
2. Trần Thị Tuyết Oanh. *Đánh giá và đo lường kết quả học tập*. NXB Đại học sư phạm, H. 2007.
3. Nguyễn Đức Thâm - Nguyễn Ngọc Hưng - Phạm Xuân Quế. *Phương pháp dạy học Vật lí ở trường trung học phổ thông*. NXB Đại học sư phạm, H. 2002.

SUMMARY

In this paper, we introduce an assessment process of Physics studying results of high school students basing on skills and knowledge standards, which contributes to the innovation in teaching methods on the basis of students' feedbacks in order to improve education quality.

Nâng cao chất lượng đào tạo...

(Tiếp theo trang 5)

các quy định và chức năng điều hành của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục kĩ thuật và dạy nghề cũng như vai trò của nền kinh tế.

Tóm lại, nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại các trường kĩ thuật chắc chắn rằng sẽ còn là vấn đề bức thiết trong bối cảnh chung của giáo dục kĩ thuật tại Việt Nam. Giải quyết bài toán chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đòi hỏi phải có thời gian, không thể ngày một, ngày hai mà là một quá trình chuyển động tích cực của các trường. Một vài biện pháp nhỏ nêu trên nếu tiến hành đồng bộ và quyết liệt cùng với nhiều biện pháp khác mà các trường đang áp dụng sẽ góp phần thúc đẩy quá trình chuyển động này nhanh hơn, mạnh hơn trong thực tế. □

Tài liệu tham khảo

1. Creamer R. H. *Machine design*. Addison Westle, 1984.
2. Hà Nguyễn. Báo *Giáo dục & Thời đại*, ngày 16/11/2012.

3. Nguyễn Viết Tiến. *Lí thuyết thiết kế sản phẩm công nghiệp*. NXB Khoa học và Kỹ thuật, H. 2005.
4. Trương Minh Trí - Trần Đức Thắng. *Mĩ thuật công nghiệp*. Trường Đại học sư phạm kĩ thuật TP. Hồ Chí Minh, 1997.
5. Kỉ yếu Trường Đại học sư phạm kĩ thuật TP. Hồ Chí Minh năm 2010.
6. Báo cáo Tổng kết 5 năm dạy nghề 2008-2012 tại Đà Nẵng, tháng 11/2012.
7. Website Tổng cục dạy nghề: <http://tcdn.gov.vn/>.

SUMMARY

Vietnam has abundant labor resources, but the quality of labor is limited by the lack of skilled human resources. Therefore, training will be one of the priorities of the education sector to address the status "surplus teacher shortage mechanic". Improve the quality of vocational training to meet the industrialization and modernization of the country. To shifting to economic development in depth, in order to achieve the above objectives, improving the quality of human resources to meet the requirements of industrialization, modernization and international integration, training associated with jobs is an important factor. The Vocational School has many guidelines and policies to improve the quality of vocational training.